

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ NỘI DUNG DẠY HỌC ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG VIỆT LỚP 2

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p style="text-align: center;">ĐỌC</p> <p>KĨ THUẬT ĐỌC</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần khó, ít dùng). Thuộc bảng chữ cái tiếng Việt; biết phân biệt tên chữ cái (a, bê, xê,...) và âm (a, bờ, cờ,...) mà chữ cái và con chữ biểu hiện. • Đọc đúng và rõ ràng các đoạn văn, câu chuyện, bài thơ, VB thông tin ngắn. Tốc độ đọc khoảng 60 – 70 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu, chỗ ngắt nhịp thơ. • Bước đầu phân biệt được lời nhân vật trong đối thoại và lời người kể chuyện để đọc với ngữ điệu phù hợp. • Biết đọc thầm. • Nhận biết được thông tin trên bìa sách: tranh minh họa, tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản. • Điền được những thông tin quan trọng vào phiếu đọc sách. <p>ĐỌC HIỂU</p> <p>VB văn học</p> <p><i>Đọc hiểu nội dung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Biết nêu và trả lời câu hỏi về một số chi tiết nội dung trong VB như: Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao? • Hiểu điều tác giả muốn nói qua VB đơn giản dựa vào gợi ý. <p><i>Đọc hiểu hình thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Nhận biết được địa điểm, thời gian, các sự việc chính của câu chuyện. • Nhận biết được hình dáng, điệu bộ, hành động của nhân vật qua ngôn ngữ và hình ảnh. • Nhận biết được thái độ, tình cảm giữa các nhân vật thể hiện qua hành động, lời thoại. • Nhận biết được vần trong thơ. <p><i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Nêu được nhân vật yêu thích nhất và giải thích được vì sao. 	<p style="text-align: center;">KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bảng chữ cái tiếng Việt, sự khác nhau giữa tên chữ cái (a, bê, xê,...) và âm (a, bờ, cờ,...) 2. Vốn từ theo chủ điểm 3.1. Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất 3.2. Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than: đánh dấu kết thúc câu; dấu phẩy: tách các bộ phận đồng chức trong câu 4.1. Hội thoại: lắng nghe, nói theo lượt lời 4.2. Đoạn văn <ul style="list-style-type: none"> • Đoạn văn kể lại một sự việc • Đoạn văn miêu tả ngắn, đơn giản theo gợi ý • Đoạn văn nói về tình cảm của mình với những người thân yêu • Đoạn văn giới thiệu loài vật, đồ vật; VB hướng dẫn thực hiện một hoạt động, bưu thiếp, danh sách, mục lục sách, thời khoá biểu, thời gian biểu 5. Thông tin bằng hình ảnh (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ)

Đọc mở rộng

- Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 VB văn học có thể loại và độ dài tương đương với các VB đã học.
- Thuộc lòng ít nhất 6 đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 – 45 chữ.

VB thông tin

Đọc hiểu nội dung

- Biết nêu và trả lời được câu hỏi về các chi tiết nổi bật của VB như: Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao?
- Dựa vào gợi ý, trả lời được: VB viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý dựa vào gợi ý.

Đọc hiểu hình thức

- Nhận biết được một số loại VB thông tin đơn giản, thông dụng qua đặc điểm của VB: mục lục sách, danh sách HS, thời khoá biểu, thời gian biểu, VB giới thiệu loài vật, đồ vật hoặc VB hướng dẫn thực hiện một hoạt động.
- Nhận biết được trình tự các sự việc, hiện tượng nêu trong VB.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nêu được các thông tin bổ ích đối với bản thân từ VB.
- Nhận biết được thông tin cơ bản của VB thể hiện qua nhan đề, hình ảnh minh hoạ và chú thích hình ảnh.

Đọc mở rộng

Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 18 VB thông tin có kiểu VB và độ dài tương đương với các VB đã học.

VIẾT

KỸ THUẬT VIẾT

- Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.
- Viết hoa chữ cái đầu câu, viết đúng tên người, tên địa lí phổ biến ở địa phương.
- Nghe – viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 50 – 55 chữ, tốc độ khoảng 50 – 55 chữ trong 15 phút. Viết đúng một số từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.
- Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định.

VIẾT ĐOẠN VĂN NGẮN

Quy trình viết

- Xác định được nội dung bằng cách trả lời câu hỏi: “Viết về cái gì?”; viết nháp; dựa vào hỗ trợ của GV, chỉnh sửa được lỗi dấu kết thúc câu, cách viết hoa, cách dùng từ ngữ.

KIẾN THỨC VĂN HỌC

1. Đề tài (viết, kể về điều gì)
2. Hình dáng, điệu bộ, lời thoại của nhân vật
3. Tình cảm, thái độ giữa các nhân vật
4. Vấn đề trong thơ

NGỮ LIỆU

1.1. VB văn học

- Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả
 - Bài thơ, đồng dao, ca dao, vè
- Độ dài của VB: truyện khoảng 180 – 200 chữ, bài miêu tả khoảng 150 – 180 chữ, thơ khoảng 70 – 90 chữ

1.2. VB thông tin

- VB giới thiệu về loài vật, đồ dùng; VB hướng dẫn một hoạt động đơn giản bao gồm cả dạng kí hiệu
 - Danh sách HS; mục lục sách; thời khoá biểu; thời gian biểu
- Độ dài của VB: khoảng 110 – 140 chữ
2. Gợi ý chọn VB: xem danh mục gợi ý

Thực hành viết

- Viết được 4 – 5 câu thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia dựa vào gợi ý.
- Viết được 4 – 5 câu tả một đồ vật gần gũi, quen thuộc dựa vào gợi ý.
- Viết được 4 – 5 câu nói về tình cảm của mình đối với người thân hoặc sự việc dựa vào gợi ý.
- Viết được 4 – 5 câu giới thiệu về một đồ vật quen thuộc dựa vào gợi ý.
- Biết đặt tên cho một bức tranh.
- Biết viết thời gian biểu, bưu thiếp, tin nhắn, lời cảm ơn, lời xin lỗi.

NÓI VÀ NGHE

NÓI

- Nói rõ ràng, có thói quen nhìn vào người nghe.
- Biết nói và đáp lại lời chào hỏi, chia tay, cảm ơn, xin lỗi, lời mời, lời đề nghị, chúc mừng, chia buồn, an ủi, khen ngợi, bày tỏ sự ngạc nhiên; đồng ý, không đồng ý, từ chối phù hợp với đối tượng người nghe.
- Kể được một câu chuyện đơn giản (có hình ảnh) đã đọc, nghe, xem.
- Nói ngắn gọn về một câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc theo lựa chọn của cá nhân (tên VB, nội dung VB, nhân vật yêu thích).

NGHE

- Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói. Đặt được câu hỏi về những gì chưa rõ khi nghe.
- Nghe một bài thơ hoặc bài hát, dựa vào gợi ý, nói một vài câu nêu cảm nhận của mình về bài thơ hoặc bài hát đó.
- Nghe câu chuyện, dựa vào gợi ý, nêu ý kiến về nhân vật chính hoặc một sự việc trong câu chuyện.

NÓI NGHE TƯƠNG TÁC

- Biết trao đổi trong nhóm về các nhân vật trong một câu chuyện dựa vào gợi ý.
- Biết trao đổi trong nhóm về một vấn đề: chú ý lắng nghe người khác, đóng góp ý kiến của mình, không nói chen ngang khi người khác đang nói.

II GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 2

2.1. Quan điểm biên soạn

Tiếp nối SHS *Tiếng Việt 1*, SHS *Tiếng Việt 2* được biên soạn dựa trên quan điểm: a. Dạy học ngôn ngữ thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe trong ngữ cảnh tự nhiên

và gắn gũi với đời sống; b. Sách hấp dẫn đối với HS, khơi gợi được hứng thú của các em qua ngữ liệu và cách khai thác ngữ liệu phù hợp.

Tiếng Việt 2 cần phát triển một cách hợp lý kĩ năng đọc, viết, nói và nghe mà HS đã có được sau khi học xong lớp 1 để các em vừa được học theo sức của mình, vừa đáp ứng được yêu cầu của Chương trình Tiếng Việt lớp 2. Tiến trình dạy học nếu đi quá chậm hay quá nhanh đều ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả học tập của năm học này cũng như những năm học tiếp theo. Tiếp tục quan điểm dạy học tiếng mẹ đẻ ở lớp 1, SGK *Tiếng Việt 2* chú trọng khai thác vốn tiếng Việt mà HS sử dụng hằng ngày để phát huy hiệu quả dạy học ngôn ngữ trong nhà trường.

2.2. Những điểm mới cơ bản của SGK *Tiếng Việt 2*

2.2.1. Sách được biên soạn theo mô hình SGK dạy tiếng hiện đại, có học hỏi từ mô hình SGK của các nước phát triển và tiếp thu hợp lý kinh nghiệm biên soạn SGK Tiếng Việt lâu nay tại Việt Nam. Tính hiện đại của sách thể hiện rõ nhất ở việc các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe được thiết kế theo cách kết nối và tích hợp chặt chẽ trong một bài học. Trung tâm để tạo nên sự kết nối và tích hợp đó là VB thuộc các kiểu loại khác nhau. HS đọc VB, sau đó, các em viết, nói và nghe đều dựa trên những nội dung được gợi ra từ VB vừa đọc. Các VB trong một bài học được gắn kết với nhau theo từng chủ điểm. Từ tập hai của *Tiếng Việt 1*, các bài học cũng đã được thiết kế theo cách này, nhưng do ở lớp 2, việc thiết kế các bài đọc phải tính đến thêm yêu cầu viết đoạn (4 – 5 câu) có định hướng kiểu loại (biểu cảm, thuyết minh, tả, thuật sự việc), nên ở *Tiếng Việt 2*, sự kết nối giữa các bài đọc với nhau và giữa nội dung bài đọc với hoạt động viết cần được tính toán kĩ lưỡng hơn và dụng công hơn.

Tương tự *Tiếng Việt 1*, trong sách này, người đọc không tìm thấy các “phân môn” mà chỉ nhìn thấy các hoạt động giao tiếp. Cách tiếp cận tích hợp này giúp cho hoạt động dạy học ngôn ngữ gắn với giao tiếp thực tế, vì vậy tạo được hứng thú ở người học và nâng cao hiệu quả dạy học.

2.2.2. Nhận rõ dạy học kĩ năng viết là một điểm yếu của SGK *Tiếng Việt* lâu nay, *Tiếng Việt 2* dành thời gian nhiều để dạy viết cho HS và thiết kế các hoạt động viết theo một trình tự khoa học và hợp lý. Ngoài viết 1 – 2 câu ở tất cả các bài nhỏ (theo VB), cuối mỗi bài lớn (theo chủ điểm) đều có hoạt động viết đoạn văn ngắn (4 – 5 câu) theo yêu cầu của Chương trình Tiếng Việt lớp 2 năm 2018, từ viết đoạn thể hiện cảm nghĩ đến viết đoạn để giới thiệu, tả, viết đoạn để kể hay thuật lại sự việc. Trước khi viết một đoạn văn ngắn, HS được tích lũy hiểu biết, trải nghiệm từ nội dung của các bài đọc và của các hoạt động nói và nghe xung quanh những ý tưởng, thông tin được gợi ra từ bài đọc. Các em cũng được trang bị kiến thức tiếng Việt và thực hành các bài tập về chính tả, từ ngữ, câu. Sách coi những hiểu biết, trải nghiệm được tích lũy, những kiến thức tiếng Việt được trang bị đó như là công cụ giúp HS viết đoạn văn ở cuối mỗi bài lớn

(chủ điểm). Bằng cách đó, HS được chuẩn bị tốt cho việc rèn luyện kỹ năng viết, tránh tình trạng HS sao chép bài viết của người khác hoặc viết tùy tiện vì các em không được chuẩn bị cả về nội dung lẫn phương tiện ngôn ngữ để viết.

2.2.3. Trong hoạt động dạy học đọc hiểu, ngoài những câu hỏi liên quan đến những nội dung tường minh và nội dung hàm ẩn ở mức đơn giản, *Tiếng Việt 2* còn thiết kế hoạt động tìm hiểu các yếu tố của kiểu loại VB như nhân vật trong truyện, vần trong thơ, trình tự các ý trong VB thông tin,... Bằng hoạt động này, *Tiếng Việt 2* từng bước định hình cho HS “mô hình đọc hiểu” VB; bước đầu giúp HS phát triển kỹ năng đọc hiểu VB theo kiểu loại.

Tiếng Việt 2 thiết kế nhiều hoạt động để HS được trao đổi nhóm, huy động các hiểu biết, trải nghiệm để tiếp cận VB đọc. Các em được khuyến khích thể hiện chủ kiến của mình trước những vấn đề được đặt ra từ bài học. Theo hướng tiếp cận như vậy, GV và HS có điều kiện đổi mới phương pháp dạy học. Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên cũng như định kì có nhiều nội dung kiểm tra, đánh giá hơn, đáp ứng tốt định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá.

2.2.4. Ngữ liệu bảo đảm tỉ lệ cân đối, hài hoà giữa VB văn học và VB thông tin. Tăng thêm tỉ lệ VB thông tin và giảm tỉ lệ VB văn học so với các SGK *Tiếng Việt* lâu nay. Hệ thống chủ điểm đa dạng, phong phú, bao quát được nhiều lĩnh vực trong đời sống của HS, đáp ứng ở mức độ cao nhất nhu cầu tìm hiểu, khám phá thế giới của các em. Nội dung của ngữ liệu được chọn lựa phù hợp với hiểu biết và trải nghiệm đã có của người học; giúp HS có cơ hội kết nối với trải nghiệm cá nhân, phát triển cá tính lành mạnh và tư duy độc lập. Nhờ đó, ngoài việc giúp HS phát triển hiệu quả các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe, *Tiếng Việt 2* còn góp phần tích cực vào việc bồi dưỡng cho HS tình yêu quê hương, đất nước; tình yêu gia đình, bạn bè; lòng nhân ái, khoan dung; tình yêu thiên nhiên;... Các em cũng được phát triển kỹ năng quan sát, tư duy suy luận, khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2.2.5. Theo yêu cầu của Chương trình 2018, *Tiếng Việt 2* chú ý dành thời gian cho hoạt động Đọc mở rộng. Qua hoạt động này, HS có cơ hội được tự chọn ngữ liệu (truyện, thơ, VB thông tin,...) để đọc ở nhà hoặc ở lớp và nói, trình bày với các bạn trong nhóm hoặc trước lớp. Nhờ đó, HS từng bước hình thành thói quen và hứng thú đọc sách. Đây không phải là nét đặc sắc riêng của bộ sách, nhưng là một đổi mới đáng kể của SGK lần này.

2.3. Cấu trúc sách và các bài học

Tiếng Việt 2 được chia thành 2 tập, tập một dành cho học kì 1 (18 tuần, trung bình mỗi tuần 10 tiết), tập hai dành cho học kì 2 (17 tuần, trung bình mỗi tuần 10 tiết). Mỗi tập

sách đều có các thành phần cơ bản: mục lục (đặt ở đầu sách), bảng tra cứu thuật ngữ (ở cuối sách), hệ thống các chủ điểm (bài lớn, tương ứng với chương, phần) và các bài học (theo hệ thống các VB được dùng làm ngữ liệu). Về cơ bản, cấu trúc cả tập sách và cấu trúc của từng bài học trong 2 tập là như nhau. Điểm khác biệt đáng kể là yêu cầu về các kiến thức và kĩ năng ở tập hai dĩ nhiên là cao hơn tập một.

2.3.1. Cấu trúc sách

Tập một có 4 bài (lớn), tương ứng với 4 chủ điểm. Các chủ điểm tiếp tục được triển khai theo mạch như hệ thống chủ điểm đã được thiết kế ở tập hai của *Tiếng Việt 1*, tuy nhiên có nâng cao hơn và khai thác sâu hơn một số phương diện cuộc sống, phù hợp với sự phát triển của HS lớp 2 so với lớp 1. Mỗi bài dạy trong 4 tuần (40 tiết). Tổng cộng 16 tuần; có hai tuần dành cho ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa học kì 1 và cuối học kì 1 (20 tiết).

Tập hai có 5 bài (lớn), tương ứng với 5 chủ điểm. Các chủ điểm ở tập hai được mở rộng dần sang những lĩnh vực khác của đời sống, giúp HS có thêm hiểu biết, trải nghiệm, chẳng hạn chủ điểm *Giao tiếp và kết nối, Hành tinh xanh của em, Việt Nam quê hương em*. Mỗi bài dạy từ 2 – 4 tuần (40 tiết). Tổng cộng 15 tuần; có hai tuần dành cho ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa học kì 2 và cuối học kì 2 (10 tiết).

Ở cả hai tập sách, mỗi bài (lớn) đều có 8 VB (bài nhỏ), mỗi tuần có 2 VB. Do mỗi tuần 10 tiết, nên số tiết cho bài học mỗi VB lần lượt là 4 và 6 để thuận lợi cho việc tổ chức dạy học. Tất cả các bài đều có “phần lõi” 4 tiết như nhau. Ở bài 6 tiết có 2 tiết cho *Nghe – viết chính tả, Viết đoạn văn ngắn và Đọc mở rộng*. Trong tiết 5 và 6 của các bài 6 tiết, *Tiếng Việt 2* thiết kế các nội dung dạy học khá mở để GV có điều kiện triển khai các nội dung dạy học một cách linh hoạt. GV có thể sử dụng tiết 6 để cho HS được kể chuyện, đọc thơ, chia sẻ ý tưởng từ bài đọc mở rộng và cho HS chỉnh sửa bài viết, tạo ra các sản phẩm theo cách sáng tạo riêng. Các thầy cô cũng có thể cho HS làm các bài tập trong các tài liệu bổ trợ nếu HS đã hoàn thành tốt các nội dung trong SHS.

2.3.2. Cấu trúc bài học

Mỗi VB đọc là trung tâm của một bài nhỏ. Khởi đầu bài học là hoạt động *khởi động* nhằm huy động trải nghiệm, hiểu biết và tạo tâm thế để HS đọc hiểu VB tốt hơn. Sau hoạt động *khởi động* là *đọc thành tiếng, đọc hiểu* (thể hiện qua trả lời câu hỏi). Khác với *Tiếng Việt 1*, trong *Tiếng Việt 2*, như đã nói ở trên, nội dung đọc hiểu không chỉ tập trung vào các nội dung tường minh hay nội dung suy luận đơn giản mà còn đặt ra yêu cầu HS nhận biết được một số yếu tố kiểu loại VB ở mức đơn giản, chẳng hạn đối với thơ, HS được luyện tập nhận biết vần, số chữ trong một dòng thơ, số dòng thơ trong

một khổ thơ (HS cũng được học thuộc lòng 1 – 2 khổ thơ hoặc cả bài); đối với truyện, HS nhận biết được bối cảnh (địa điểm, thời gian), nhân vật và các sự việc chính của câu chuyện; đối với VB thông tin, HS nhận biết được trình tự các sự việc, hiện tượng được thể hiện trong VB. Khác với *Tiếng Việt 1*, trong *Tiếng Việt 2*, không chỉ các bài có ngữ liệu là truyện, VB miêu tả, VB thông tin mà các bài có ngữ liệu là thơ cũng có thực hành viết (câu trả lời), nói và nghe (theo tranh).

Hoạt động cuối của “phần lõi” 4 tiết là *Luyện tập tiếng Việt*, gồm bài tập chính tả, bài tập từ ngữ, bài tập luyện câu. Đây là phần tập trung giúp HS luyện tập các kĩ năng viết chính tả, dùng từ ngữ, đặt câu dựa trên những hiểu biết sơ giản về tiếng Việt. Nội dung này sẽ được phát triển dần ở các lớp trên để HS có được kiến thức nền tảng về tiếng Việt, nhờ đó sử dụng tiếng Việt hiệu quả hơn. Từ bỏ quan điểm dạy học ngôn ngữ thông qua việc cung cấp một cách hệ thống kiến thức về cấu trúc tiếng Việt, nhưng SGK *Tiếng Việt 2* và SGK *Tiếng Việt* ở các lớp trên vẫn chủ trương trang bị cho HS một số hiểu biết tối thiểu về tiếng Việt, được dùng như tri thức công cụ để thực hành sử dụng tiếng Việt. Chẳng hạn, trong *Tiếng Việt 2*, phần bài tập về từ ngữ, HS bước đầu phân biệt được từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất; phần bài tập luyện câu, tuy GV chưa nêu khái niệm câu và thành phần câu, nhưng thông qua hướng dẫn HS thực hành và sửa lỗi câu cho HS, GV cần giúp các em cảm nhận được thế nào là câu và thế nào chưa phải là câu để HS viết câu đúng ngữ pháp và sửa lỗi ngữ pháp nếu có⁽¹⁾.

Như đã nêu trên, ngoài nội dung “phần lõi” 4 tiết, bài 6 tiết ở tuần thứ nhất của mỗi chủ điểm có 2 tiết cho *Nghe – viết chính tả* và *Đọc mở rộng*. Sau *Đọc mở rộng*, HS có thể kể chuyện, trao đổi về những gì vừa đọc tùy theo kiểu loại VB đọc mở rộng là truyện, thơ hay VB thông tin. Còn bài 6 tiết ở tuần thứ hai có 2 tiết cho *Viết đoạn văn ngắn*. HS được luyện viết theo mô hình của từng kiểu loại VB. Quy trình dạy viết ở đây được thiết kế dựa theo các lí thuyết và thực tiễn dạy viết của nhiều nước phát triển, thể hiện cụ thể nhất qua phần dạy viết trong SGK của Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Australia,... Sau khi viết, HS được GV hướng dẫn chỉnh sửa bài viết. Đôi khi có *Góc sáng tạo* để HS có được cơ hội sáng tạo ra một sản phẩm được gợi ý từ các hoạt động trước đó.

(1) Lên lớp 4, HS sẽ được học kiến thức nền tảng về câu và cấu trúc câu tiếng Việt. Trong ngôn ngữ viết, câu thường đầy đủ hai thành phần. Khi viết một câu, ta cần nêu ra một sự vật (ai, cái gì,...) (thành phần thứ nhất) và nói điều gì đó về sự vật đó (thành phần thứ hai). Chẳng hạn, câu “*Câu chuyện về chữ A rất thú vị.*” có hai thành phần chính: *Câu chuyện về chữ A* (thành phần thứ nhất chỉ cái gì được nói đến) và *rất thú vị* (thành phần thứ hai cho biết câu nói gì về cái được nói đến ở thành phần thứ nhất). Ở lớp 2, GV chưa đề cập đến các thành phần câu, nhưng có thể đặt một số câu hỏi gợi mở cho HS để các em có ý thức khi viết câu và biết cách sửa câu sai, ví dụ: *Trong câu này, em viết về ai (cái gì)?* (mẹ em/lớp học của em/câu chuyện về chữ A); *Em muốn nói gì về người đó (cái đó)?* (rất yêu thương em/có 35 HS/rất thú vị). Lưu ý, cấu trúc câu được phân tích ở đây khác với cách hướng dẫn HS nhận biết câu và thực hành viết câu theo gợi ý: *Ai là gì? Ai làm gì? Ai thế nào?;...*

Cuối mỗi tập sách có phần ôn tập và đề tham khảo để GV có thể dựa vào đó thiết kế để kiểm tra học kì và cuối năm cho HS. Đề tham khảo chỉ là gợi ý về cấu trúc và các dạng bài tập cần có trong đề kiểm tra. Còn độ khó thì cần được linh hoạt trong giới hạn cho phép tùy theo điều kiện dạy học thực tế của mỗi địa phương và nhà trường.

III GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO VIÊN

3.1. Cấu trúc bài hướng dẫn dạy học trong sách giáo viên

Tương ứng với mỗi bài học trong SHS có một bài hướng dẫn dạy học trong SGK. Tương tự *Tiếng Việt 1 – SGK*, mỗi bài hướng dẫn dạy học đều có cấu trúc gồm các phần: **Mục tiêu**, **Chuẩn bị**, **Hoạt động dạy học**.

Phần **Mục tiêu** có nội dung và cách thể hiện phù hợp với định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.

Phần **Chuẩn bị** bao gồm hai nội dung: a. kiến thức (tiếng Việt và đời sống) mà GV cần có để dạy tốt bài học; và b. phương tiện dạy học cần có và nên có. (Ngoài những phương tiện dạy học được nêu trong SGK, GV có thể sử dụng các phương tiện phù hợp khác. Do phương tiện dạy học cần chuẩn bị cho các bài về cơ bản giống nhau, nên nội dung này không được trình bày thành mục riêng ở mỗi bài, tránh trùng lặp.)

Phần **Hoạt động dạy học** bám sát các mục của bài học trong SHS. Ngoài ra, ở đầu bài học có mục ôn bài cũ, tạo tâm thế cho bài học mới; ở cuối bài học có mục **Củng cố**, giúp GV và HS tóm tắt lại những nội dung đã học và GV nhận xét, đánh giá hoạt động học tập của HS. Tùy tình hình thực tế, GV vận dụng linh hoạt thời gian cho mỗi hoạt động dạy học.

3.2. Phương pháp dạy học

a. Phương pháp dạy học trong *Tiếng Việt 2* tuân thủ định hướng đổi mới phương pháp dạy học của chương trình môn Ngữ văn và chương trình giáo dục phổ thông nói chung là đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và vận dụng kiến thức, kĩ năng của HS.

b. Ở từng kiểu bài học, đối với từng hoạt động dạy học nhằm phát triển từng kĩ năng (đọc, viết, nói, nghe) cho HS, GV cần có những phương pháp dạy học phù hợp với mục tiêu dạy học được quy định đối với lớp 2.

Đọc: Dạy đọc nhằm giúp HS hình thành và phát triển kĩ năng đọc thành tiếng và đọc hiểu. Khác với lớp 1, ở lớp 2, yêu cầu phát triển kĩ năng đọc thành tiếng và đọc hiểu đều quan trọng như nhau. HS được đọc các VB có độ dài và độ khó cao hơn so với lớp 1 và phù hợp với yêu cầu của chương trình.

Tiếp nối lớp 1, đối với đọc thành tiếng, phương pháp dạy học chủ yếu là GV đọc mẫu và HS thực hành theo mẫu. Đọc phân vai dựa theo một truyện kể cũng cần được chú ý khai thác nhiều hơn. Đối với đọc hiểu, phương pháp dạy học chủ yếu vẫn là GV huy động trải nghiệm, hiểu biết của HS có liên quan đến nội dung của VB đọc, cho HS so sánh, liên hệ mở rộng; đặt câu hỏi và tổ chức đàm thoại giữa GV và HS, cho HS thảo luận nhóm. Trước khi đọc VB, GV có thể cho HS dựa vào nhan đề và tranh minh họa để suy đoán nội dung VB. Ở lớp 1, hoạt động này chỉ nên áp dụng đối với một số VB và những đối tượng HS phù hợp, nhưng lên lớp 2, GV nên áp dụng với nhiều đối tượng HS hơn. Phương châm là dạy đọc hiểu phải kích hoạt được việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc.

Viết: Qua giai đoạn lớp 1, HS đã được hình thành và phát triển kỹ năng viết chữ (tập viết, chính tả). Ở lớp 2, kỹ năng đó tiếp tục được phát triển, nhưng kỹ năng viết câu sáng tạo cần được chú ý hơn so với lớp 1. Đặc biệt là HS cần được học viết đoạn văn ngắn. Dạy viết đoạn văn cần theo một quy trình phù hợp, qua từng bước, bắt đầu từ hoạt động tìm kiếm, huy động thông tin và ý tưởng bằng hình thức làm việc cá nhân rồi trao đổi, chia sẻ giữa các thành viên trong nhóm, trước lớp, sau đó HS thực hành viết dựa trên thông tin và ý tưởng được chuẩn bị. Trước khi viết, GV có thể cho HS lập dàn ý bằng cách hướng dẫn các em diễn những thông tin, ý tưởng đã được chuẩn bị (làm việc cá nhân, làm việc nhóm,...) vào mẫu cho sẵn (thiết kế trong vở *Tập viết*). HS chỉ cần viết ra dưới hình thức các từ ngữ ngắn gọn, chưa phải viết thành câu. Từ dàn ý đã lập như vậy, các em thực hành viết đoạn văn trọn vẹn. Việc đặt hoạt động viết đoạn văn (tập làm văn) vào cuối mỗi chủ điểm, kết nối, tích hợp giữa đoạn văn cần viết với nội dung cũng như kiểu loại VB của các bài đọc trong toàn chủ điểm và hướng dẫn HS viết theo quy trình vừa nêu trên nhằm bảo đảm HS được chuẩn bị đầy đủ các công cụ và chất liệu cho hoạt động viết để các em vừa viết đúng yêu cầu của chương trình vừa có khả năng sáng tạo.

Nói và nghe: Ở lớp 2, dạy nói và nghe cũng cần chú ý vận dụng phương pháp GV làm mẫu và HS thực hành theo mẫu; đặt câu hỏi và tổ chức đàm thoại giữa GV và HS, HS thảo luận nhóm rồi trình bày trước nhóm và trước lớp; nghe kể chuyện và kể lại hoặc đóng vai diễn lại câu chuyện đã nghe. Khác với lớp 1, ở lớp 2, HS nói và nghe về nhiều nội dung được thiết kế mở hơn. Tuy vẫn gắn với nội dung bài đọc, nhưng nội dung nói và nghe đòi hỏi HS phải có nhiều liên hệ với vốn sống, trải nghiệm của người học. Qua hoạt động nói và nghe, GV cần chú ý tạo cơ hội để HS được tranh luận về một số nội dung có ý kiến khác biệt hay trái ngược nhau, từng bước giúp các em phát triển tư duy độc lập.

c. Các nghiên cứu về dạy học và thực tiễn dạy học các lớp đầu cấp tiểu học trên thế giới đều cho thấy hiệu quả của quy trình dạy học sau: GV trình bày và làm mẫu những kỹ năng và chiến lược mới cho cả lớp. Sau đó, HS hoạt động nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm

nhiều hơn hai), chẳng hạn hỏi và trả lời, chia sẻ ý tưởng, đọc lại câu chuyện cho bạn nghe,... và học cá nhân để vận dụng những kĩ năng mới học được. Kết hợp dạy học chung cả lớp, sau đó HS học theo nhóm và học độc lập là hình thức cần được áp dụng phổ biến, linh hoạt và cân bằng.

d. Ở lớp 2, GV cần tiếp tục khuyến khích HS tham gia vào những hoạt động có tính tương tác, coi đó là một cách thức quan trọng để thúc đẩy việc học và trưởng thành. Hoạt động tương tác chủ yếu ở lớp 2 là HS trao đổi nhóm, cùng tham gia hoàn thành một nhiệm vụ. Đối với dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp thì các hoạt động có tính tương tác càng có ý nghĩa. Nó giúp HS phát triển ngôn ngữ, tư duy và các kĩ năng xã hội một cách hiệu quả; các em trở nên tự tin hơn, có mối quan hệ bạn bè tốt hơn, tôn trọng sự khác biệt và có động lực học cao hơn. Trong khi HS làm việc nhóm, GV cần quan sát và dành thời gian làm việc với những HS hay nhóm HS cần hỗ trợ.

đ. Cần có những hoạt động, câu hỏi dành riêng cho HS gặp khó khăn trong phát triển các kĩ năng giao tiếp. Tương tự như vậy, cần có những hoạt động, câu hỏi dành riêng cho HS tự tin, năng động, có khả năng đọc, viết, nói và nghe tốt hơn so với các HS khác.

3.3. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập trong *Tiếng Việt 2* tuân thủ định hướng đổi mới về mục tiêu, nội dung, cách thức đánh giá trong môn Ngữ văn nói chung và tiếp tục quan điểm đổi mới đánh giá được triển khai ở lớp 1.

a. Về mục tiêu, đánh giá nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong học tập, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học.

b. Về nội dung, đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe được quy định trong chương trình.

– **Về phẩm chất,** đánh giá HS thông qua các biểu hiện về: yêu thiên nhiên; yêu quê hương, nơi sinh sống; yêu thương, quan tâm người thân trong gia đình; yêu quý bạn bè, thầy cô và những người khác xung quanh.

– **Về năng lực chung**

Năng lực tự chủ và tự học: Đánh giá khả năng tự làm được những việc của mình theo sự phân công, hướng dẫn; nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Đánh giá khả năng tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp; bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng; biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn; có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đánh giá khả năng nhận ra được những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi; nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng.

– **Về năng lực đặc thù** (đọc, viết, nói, nghe)

Đọc: Đánh giá kỹ năng đọc gồm kỹ năng đọc thành tiếng và kỹ năng đọc hiểu. Ở lớp 2, HS đã vượt qua giai đoạn đánh vần. Vì vậy, việc đánh giá cần tập trung vào kỹ năng đọc VB với yêu cầu đọc đúng, rõ ràng, trôi chảy và theo tốc độ như chương trình quy định. Đánh giá kỹ năng đọc hiểu dựa vào kết quả HS trả lời các câu hỏi liên quan đến không chỉ những nội dung tường minh như ở lớp 1 mà cả những nội dung hàm ẩn đơn giản. Bên cạnh đó, *Tiếng Việt 2* cũng thiết kế một số câu hỏi tạo cơ hội cho HS tìm hiểu về đặc điểm thể loại hay kiểu loại VB và đặc điểm ngôn ngữ của VB đọc. Việc thiết kế những câu hỏi này giúp HS từng bước định hình được “mô hình đọc hiểu” đối với từng thể loại hay kiểu loại VB.

Viết: Đánh giá kỹ năng viết dựa trên nhiều hình thức viết đa dạng với những yêu cầu khác nhau: nghe – viết chính tả, viết lại câu trả lời, viết sáng tạo một hai câu ngắn và viết đoạn văn (4 – 5 câu) theo yêu cầu về kiểu loại VB viết được quy định trong Chương trình. Ngoài đánh giá kỹ năng viết chữ đúng nét, viết đúng chính tả, cần chú ý đến đánh giá kỹ năng dùng từ ngữ, đặt câu và đặc biệt là kỹ năng viết đoạn văn dựa trên những ý tưởng sáng tạo và đúng với yêu cầu về kiểu loại VB theo yêu cầu của Chương trình. Đây là bước khởi đầu để HS có được kỹ năng viết bài văn hoàn chỉnh ở các lớp trên.

Nói và nghe: Đánh giá về sự tự tin của HS khi nói, trao đổi, thảo luận trong nhóm và trước lớp; khả năng phát âm đúng, rõ với tốc độ phù hợp; khả năng tập trung vào nội dung cần nói và sử dụng ngôn ngữ chính xác; khả năng tập trung khi nghe; khả năng trả lời câu hỏi thể hiện hiểu được nội dung đã nghe.

c. Về cách thức đánh giá, các phẩm chất và năng lực chung được đánh giá bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét, thực hiện trong suốt năm học. Các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe được đánh giá vừa bằng định tính, thực hiện trong suốt năm học; vừa bằng định lượng, được thực hiện vào cuối học kì và cuối năm. Cuối tuần ôn tập của mỗi học kì có một đề kiểm tra tham khảo. Nhà trường và GV có thể dựa vào cấu trúc và mức độ yêu cầu về đọc, viết, nói và nghe để thiết kế đề kiểm tra phù hợp với HS của mình.